

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH b

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-PT

Ngày 26/5/2020

V/v: Tranh chấp đất đai theo
quy định của pháp luật về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Thẩm phán: 1. Bà Đàm Thị Minh Hương

2. Bà Hoàng Thị Thu Hương

-Thư ký phiên toà: bà Lục Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/5/2020 và ngày 26/5/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLPT-DS ngày 30/10/2019 về việc *tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:01/2020/QĐ- PT, ngày 31/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Sỹ Th; Sinh năm 1936. Trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Thị A, sinh năm 1963, trú tại: Thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh B. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1944; Địa chỉ: tổ 8A, Phường , thành phố B, tỉnh B. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị S : Bà Nguyễn Thị H – Luật sư, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Kiên C

- Bà Đinh Thị Nh – SN 1940. Có mặt

- Anh Hà Sỹ Trần L – SN 1997. Vắng mặt
- Anh Hà Sỹ Trung K – SN 1998. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị A, sinh năm 1963, trú tại: Thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh B. (Có mặt)

- Ông Nông Xuân A – SN 1971. Vắng mặt
- Anh Nông Huỳnh Đ – SN 1998. Vắng mặt
- Bà Triệu Thị Minh G sinh năm 1972. Có mặt

Đều trú tại: Thôn Ni, xã D, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nông Xuân A , Anh Nông Huỳnh Đ: Bà Triệu Thị Minh G , sinh năm 1972, trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B. (Có mặt).

- Chị Triệu Thị C - sinh năm 1971

Địa chỉ: 8A, phường P, thành phố B. có mặt.

- Chị Triệu Thị Út H- sinh năm 1986

Địa chỉ: tổ 8A, phường P, thành phố B. Vắng mặt.

4. Những người làm chứng:

- Bà Triệu Thị D

Địa chỉ: Thôn P, xã D, Thành phố B, Tỉnh B Vắng mặt.

- Bà Triệu Thị K -sinh năm 1937. Có mặt

- Ông Hà Sỹ B . Có mặt

- Bà Bế Thị C. Vắng mặt

- ông Hà Sỹ H . Vắng mặt

- Ông Phạm Văn N. Có mặt

Đều trú tại: d, thành phố B, N.

- Ông Ngô Văn V . Vắng mặt

Trú tại: tổ 11C, phường S, thành phố B, B.

5. Người kháng cáo: Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn: Bà Hà Thị A

6. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 với yêu cầu:

Đề nghị Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 821415 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N , do UBND Thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày

12/01/2001; diện tích 323m² đất ở; địa chỉ thửa đất tại xã D, thị xã B, tỉnh B. Hiện nay thửa đất này đã bị thu hồi để xây dựng công trình Trạm y tế xã D

- Hủy một phần diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N , do UBND huyện B, tỉnh B (nay là thành phố B, tỉnh B) cấp ngày 10/12/1993; đối với các thửa số 85 và 89); thuộc tờ bản đồ số 10; diện tích 2207m²; địa chỉ thửa đất tại xã d, huyện b, tỉnh B. (Hay còn gọi là ruộng Nhà Bjoóc).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 299369 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N , do UBND Thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 11/12/2002; diện tích 260,8m² (Đất vườn); địa chỉ thửa đất tại xã D, thị xã B, (nay là thành phố B) tỉnh B (hay còn gọi là bãi Soi Mít).

Với các lý do và căn cứ sau.

Đối với Thửa đất trước gọi là khu đất Thau Khi. Nguồn gốc đất của cha ông của ông Hà Sỹ T để lại, ông T sử dụng và canh tác liên tục, không bỏ hoang hóa năm nào. Năm 1976, nhà trường cấp 1, 2 D mượn thì ông T mới phá hàng rào để cho nhà trường mượn đất. Đến năm 1979, nhà trường chuyển đi nơi khác, khi đó, UBND xã D mượn một phần đất để xây dựng trụ sở UBND mới bây giờ và Ủy ban đã trả tiền bồi thường cho ông T . Đối với phần đất còn lại, cũng năm 1979 ông Hà Sỹ T cho ông Triệu Thành N và bà Nguyễn Thị S mượn 200m² đất vườn để làm nhà tạm. Đến năm 1993, ông N và bà S tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự kê khai trong 200m² có 120m² đất thổ cư và 80m² đất vườn nhưng không báo cho ông T biết. Năm 2001, ông N và bà S tự ý lấy thêm và kê khai vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thêm 243m² đất thổ cư của ông T . Ngoài ra, ông N và bà S còn lấn thêm hơn 600m² đất vườn trồng cây hàng năm của ông Hà Sỹ T, phần diện tích này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay thửa đất này Nhà nước đã thu hồi để xây dựng công trình Trạm y tế xã D.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn yêu cầu đối với thửa đất có diện tích 200m² và thửa đất diện tích 625,7m² tại Thau Khi nhà nước đã thu hồi để xây dựng Trạm y tế xã D, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận ông Hà Sỹ T có quyền sử dụng đất trên cơ sở đó nhận tiền đền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Đối với Thửa đất ruộng Nhà Bjoóc. Hiện nay giữa ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị S đang tranh chấp 02 (hai) thửa đất ruộng thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N (Triệu Văn N), do UBND huyện B, tỉnh B (nay là thành phố B, tỉnh B) cấp ngày 10/12/1993 gồm:

+ Thửa 85, tờ bản đồ số 10, diện tích 1100m² nay là thửa số 149, tờ bản đồ số 57, diện tích 1302,2m²;

+ Thừa đất số thửa 89, tờ bản đồ số 10, diện tích 270m² nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 57, diện tích 299,3m²;

Hai thửa đất ruộng Nà Bjoóc này có nguồn gốc là của ông T mua từ năm 1946 và canh tác liên tục đến năm 1960 thì ông Hà Sỹ T và bà Đinh Thị N góp vào Hợp tác xã. Đến năm 1992, Hợp tác xã không quản lý đất đai nữa, trả lại đất cho ông T. Sau đó ông Hà Sỹ T cho ông N bà S mượn canh tác để làm ăn sinh sống, nuôi con ăn học. Năm 1993, ông N và bà S tự ý kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T không hay biết.

Đối với Thửa đất bãi Soi Mít. Có nguồn gốc từ tổ tiên ông T để lại, hiện tại còn những cây mít cổ thụ. Gia đình bà Nguyễn Thị S đã tự ý kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T không hề biết.

[2]. Bị đơn bà Nguyễn Thị S trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy một phần diện tích của thửa đất số 85 và thửa số 89, tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số B 878648 cấp ngày 10/12/1993; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V 299369 cấp ngày 11/12/2002 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 821415 đều mang tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N (Triệu Văn N) để trả lại quyền sử dụng đất cho ông T.

- *Đối với thửa đất trước gọi là khu đất Thau Khi,* giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 821415 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N, do UBND Thị xã B (nay là thành phố B cấp ngày 12/01/2001; diện tích 323m² đất ở; địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, thị xã B, tỉnh B gia đình tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay thửa đất này đã được UBND thành phố B thu hồi vào dự án xây dựng Trạm y tế xã D. Bà S đã được nhận số tiền đền bù với phần đất 200m² đất ở bị thu hồi này. Còn lại 123m² đất ở còn lại đã bị thu hồi nhưng chưa được nhận tiền đền bù do có tranh chấp với gia đình ông T.

Ngoài ra tại Thau Khi còn có phần diện tích đất hơn 600m² đất vườn liền kề với thửa đất số R 821415; gần với đất của ông Thạc, địa chỉ thửa đất tại thôn Ni, xã D, thành phố B, tỉnh B, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này đã được UBND thành phố B thu hồi vào dự án xây dựng Trạm y tế xã D.

Phần tiền đền bù theo quyết định của Nhà nước thì người nhận tiền đền bù là chị Triệu Thị Minh G.

- *Đối với thửa đất ruộng Nà Bjoóc* được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N, do UBND huyện B, tỉnh B (nay là thành phố B, tỉnh B) cấp ngày 10/12/1993,

Hiện nay có đang tranh chấp 03 (ba) thửa đất gồm: Thửa 85, tờ bản đồ số 10, diện tích 1100m² nay là thửa số 149, tờ bản đồ số 57, diện tích 1302,2m²; Thửa đất số thửa 89, tờ bản đồ số 10, diện tích 270m² nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 57, diện tích

299,3m² và 01 thửa đất ruộng diện tích 80m² đất ruộng, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648.

Đối với các thửa đất này, gia đình bà S được ông Hà Sỹ N và bà Triệu Thị V (là bố mẹ của ông Hà Sỹ T) chia cho và vợ chồng ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với 01 thửa đất ruộng diện tích 80m² đất ruộng, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 nêu trên là do gia đình bà Sen tự khai phá năm 1990, được cấp quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy bà Sen không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

- *Đối với thửa đất bãi soi mít* được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 299369 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn Nam, do UBND Thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) cấp ngày 11/12/2002, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/1578/QĐ-UB; diện tích 260,8m² (Đất vườn); địa chỉ thửa đất tại xã Dương Quang, thị xã Bắc Kạn, (nay là thành phố Bắc Kạn) tỉnh Bắc Kạn.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, xác định tại thực địa và theo bản đồ địa chính đo vẽ, chỉnh lý bổ sung năm 2015, phê duyệt năm 2016 thì nay thửa đất trên thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 57; diện tích 277,5m² đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK).

[3]. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

** Bà Triệu Thị Minh Giang quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Đối với thửa đất trước gọi là khu đất Thau Khi: Về nguồn gốc và quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất ý kiến với của bà Sen.

Trong quá trình quản lý đất đai: Năm 2007 chị Giang được ông Triệu Thành Nam và bà Nguyễn Thị Sen đã họp gia đình và thống nhất chia cho phần đất là 625,77m² đất vườn liền kề với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 821415, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này đã được UBND thành phố Bắc Kạn thu hồi vào dự án xây dựng Trạm y tế xã Dương Quang.

Nay đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm để gia đình chị Giang được nhận phần tiền đền bù đối với diện tích 627,5 m² đất vườn này.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố B, tỉnh B, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Kiên C quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông N được cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 821415 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N, do UBND Thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 12/01/2001; diện tích 323m² đất ở; địa chỉ thửa đất tại xã D, thị xã B, tỉnh B

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N , do UBND huyện B, tỉnh B cấp ngày 10/12/1993, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01068 QSDĐ; Thửa đất số 85, 89, 90, 20; thuộc tờ bản đồ số 10; diện tích 2207m²; địa chỉ thửa đất tại xã D, huyện B, tỉnh B.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 299369 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N , do UBND Thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 11/12/2002, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/1578/QĐ-UB; diện tích 260,8m² (Đất vườn); địa chỉ thửa đất tại xã D, thị xã B, (nay là thành phố B) tỉnh B

Đối với việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, UBND đã tiến hành xem xét và đánh giá việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy định của luật đất đai.

Tại bản án dân sự số:03 /2019/DS-ST ngày 18/9/2019 về việc *Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai* của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B đã căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 99, khoản 1 Điều 166, Điều 105, Điều 203 luật đất đai

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP, ngày 16-3-2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Hà Sỹ T về các yêu cầu gồm:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 821415 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Thành N , do UBND B (nay là thành phố B cấp ngày 12/01/2001.

- Hủy một phần diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn N, do UBND huyện B, tỉnh B (nay là thành phố B, TỈNH B cấp ngày 10/12/1993 đối với thửa 85, tờ bản đồ số 10, diện tích 1100m² nay là thửa số 149, tờ bản đồ số 57, diện tích 1302,2m² và thửa đất số thửa 89, tờ bản đồ số 10, diện tích 270m² nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 57, diện tích 299,3m²;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 299369 đứng tên người sử dụng đất là ông Triệu Văn Nam, do UBND Thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 11/12/2002.

- Trả lại diện tích đất đang tranh chấp trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị hủy và 627m² đất vườn liền kề với thửa đất số R 821415.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2020, đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 về việc *tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai* của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị đề nghị Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm theo hướng căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Huỷ bản án sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của TAND thành phố B.

Tại cấp phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị Ch trình bày:

Chị Ch là con đẻ của ông N và bà S , em gái thứ hai tên là Triệu Thị Minh G – sinh năm 1972, địa chỉ: thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B và em gái út là Triệu Thị Út H – sinh năm 1986, địa chỉ: tổ 8a, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Về nguồn gốc và quá trình quản lý đối với đất hiện nay có tranh chấp với ông Hà Sỹ T : thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị S .

Quá trình quản lý đất tại các khu đất tại khu vực Thau Khi, Nà Bjooc, bãi Soi Mít, chị Ch không được bố mẹ đẻ chia đất và cũng không có tài sản trên đất.

Trong quá trình quản lý đất: Gia đình thỏa thuận phân chia đất một lần vào 25/5/2007, nội dung là chia đất ở tại khu vực Thau Khi chia cho em gái út là Triệu Thị Út H , đất vườn tại bãi Soi Mít chia cho em gái thứ hai là Triệu Thị Minh G việc thoả thuận có lập biên bản không có công chứng hay xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi lập biên bản thỏa thuận này thì ông Nam, bà Sen thay đổi thỏa thuận không chia đất cho Triệu Thị Út H vì chị H đã có công việc ổn định, việc thay đổi chia đất trên bằng miệng, không làm văn bản gì.

Đối với bản án sơ thẩm đã tuyên chị Chinh nhất trí và không có ý kiến gì.

*** Chị Triệu Thị Út H trình bày:**

Chị H là con đẻ của ông N và bà S . Trong gia đình gồm 03 chị em gái, chị gái cả tên là Triệu Thị Ch – sinh năm 1971, địa chỉ: tổ 8a, phường B, thành phố B, tỉnh B; chị gái thứ hai tên là Triệu Thị Minh G – sinh năm 1972, địa chỉ: thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B và tôi là Triệu Thị Út H – sinh năm 1986, địa chỉ: tổ 8a, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Tại các khu đất tại khu vực Thau Khi, Nà Bjooc, bãi Soi Mít chị H không có tài sản gì trên đất.

Trong quá trình quản lý đất: Gia đình có thỏa thuận phân chia đất một lần vào 25/5/2007, có các thành phần trong gia đình, nội dung là chia đất ở cho tôi, đất vườn chia cho chị Triệu Thị Minh G tại Bãi Soi Mít còn chị Ch thì không được chia. Biên bản không có công chứng hay xác nhận của chính quyền địa phương.

Tuy nhiên sau đó trong gia đình có thỏa thuận miệng với nhau là đất ở không chia cho tôi, do tôi đã có việc làm ổn định.

Thời điểm nhà nước thu hồi đất thì mẹ tôi là bà S có hộ khẩu riêng, còn tôi và các con có hộ khẩu riêng, nhưng vẫn ở nhờ trên đất của mẹ tôi. Tôi có nghe mẹ tôi là bà Sen kể gia đình tôi được nhận tiền đền bù đất và tài sản trên đất đối với diện tích 200m² đất ở.

Đối với đất hiện nay tôi đang sinh sống: việc mua đất tại khu tái định cư là do gia đình lựa chọn. Tất cả số đất được thu hồi thì gia đình tôi đã nhận được đền bù bằng tiền.

Đối với bản án sơ thẩm đã tuyên thì tôi nhất trí và không có ý kiến gì.

Những người làm chứng trình bày:

*** Ông Hà Sỹ B trình bày:**

Tôi khẳng định ông N không phải là con nuôi của ông Ng và bà V .

- Về nguồn gốc và quá trình quản lý đất tại khu vực Thau Khi: Nguồn gốc đất là của ông Hà Sỹ NG và bà Triệu Thị V , trên đất bà Vân có trồng ngô và có cây nhãn cổ thụ lúc ông N chuyển từ Phổ Yên về thì chưa ở tại vị trí đất khu Thau Khi bây giờ mà ở vị trí khác, có thời gian ông N về ở chung cùng gia đình bà V và sau đó tách ra ở riêng.

Đất khi ông N chuyển ra ở riêng tại khu vực Thau khi trước đó là cái nền nhà cũ của đại đội quân đội đã đóng quân ở đó, ông N đến ở trên đất và san đất, mở rộng thêm, có làm hàng rào bao quanh để quản lý vườn tược của mình, gia đình ông Nam sinh sống trên đất này cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất. Tôi không nắm được ông N chuyển ra ở riêng vào năm nào, ông N mượn đất hay được tặng cho đất thì tôi không nắm được.

Ông N quản lý đất có nhà ở và đất vườn tôi được biết là trước năm 1990 và quản lý cho đến nay. Hiện trạng đất ông Nam quản lý sử dụng có thay đổi hay không thì tôi không nắm được. Gia đình ông Thạc có sử dụng hay quản lý đất có tranh chấp hay không thì tôi không nắm được.

- Về nguồn gốc và quá trình quản lý đất đối với Nà Bjoóc: Nguồn gốc đất hiện nay có tranh chấp có nguồn gốc của cụ Ng + Cụ V , trong quá trình quản lý giao nộp vào Hợp tác xã.

Hợp tác xã quản lý đất trải qua các giải đoạn: Hợp tác xã bậc thấp thì hưởng hoa lợi theo đất của gia đình đóng vào trên cơ sở loại ruộng, diện tích ruộng đóng vào hợp tác xã, ruộng tốt thì được chia nhiều hoa lợi.

Khi chuyển sang giai đoạn Hợp tác xã bậc cao thì nhà nước trưng dụng toàn bộ đất ruộng thuộc sở hữu nhà nước, việc hưởng sản phẩm theo công lao động dựa trên công của xã viên.

Giai đoạn khoán 10 đất vẫn thuộc hợp tác xã và hợp tác xã giao đất cho hộ gia đình căn cứ vào nhân khẩu, số lao động, hợp tác xã chia cho đất ruộng với diện tích tương ứng, hộ gia đình nhận ruộng và có nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước, gia đình nào đầu tư tốt thì hưởng nhiều lợi nhuận, thuế nhà nước thì thu theo diện tích và phân loại đất. Phân chia đất này trên cơ sở công bằng.

Khi bắt đầu thực hiện khoán 10 thì trên địa bàn tỉnh B thì các hộ nhận lại đất trên cơ sở đã giao nộp vào HTX trước đó và HTX tan rã dần, việc các hộ nhận đất này không phải HTX giao cho.

- Về trình tự, thủ tục kê khai đất đai: Tôi làm chủ tịch UBND huyện B từ năm 1989 đến năm 1996, tôi không nhớ thời gian tiến hành kê khai đất ở nhưng sau khi hợp tác xã giải tán và Luật đất đai năm 1993 ra đời thì tiến hành kê khai đối với đất ở và đất ruộng, đất vườn tạp thì không kê khai, trừ đất màu trồng rau.

Khi tiến hành kê khai đất ở thì đất ở được đo đạc bằng thước dây và được đo diện tích theo giọt ranh của nhà, không tiến hành kê khai đường đi, công trình phụ, không kê khai đất vườn tạp để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ đất màu trồng rau).

Đợt sau này thì mới tiến hành kê khai gồm đất ở, đường, công trình phụ (chuồng gà. Chuồng lợn, sân...) và kê khai cả đất vườn tạp.

Nguồn gốc đất khu Nà Bjooc có tranh chấp giữa ông Th và bà S là do cha ông của ông Ng khai phá sử dụng, sau đó có giao nộp vào HTX như tôi đã trình bày ở trên, sau khi HTX tan rã thì gia đình bà N (vợ ông T) có nhận lại đất tại khu vực Nà Bjooc này. Việc nhận lại đất ruộng không có quyết định giao đất mà nhận lại trên cơ sở gia đình đã giao nộp đất vào HTX trước đó.

Tại xã thì thành lập hội đồng xét duyệt cấp đất của xã, tại huyện thì có thành lập hội đồng xét duyệt cấp đất của huyện, về trình tự các hộ gia đình, cá nhân có đơn kê khai cấp đất ruộng do mình quản lý gửi đến Hội đồng xét duyệt cấp đất của xã, nếu thời điểm đó có tranh chấp thì sẽ không được xét duyệt cấp đất cho đến khi giải quyết xong tranh chấp.

Các hộ gia đình, cá nhân kê khai đất dựa trên bản đồ giải thửa, trên bản đồ có số thửa và số tờ bản đồ, bản đồ này do Nhà nước lập trong thời gian hợp tác xã quản lý.

Đối với các thửa đất không thể hiện trên bản đồ giải thửa thì khi kê khai các hộ sẽ thể hiện là thửa không số, không bản đồ.

Hội đồng xét duyệt cấp đất cấp xã sẽ tiến hành xét từng trường hợp, sau đó có thời gian niêm yết công khai danh sách các hộ, cá nhân đủ điều kiện cấp đất trong thời hạn 15 ngày.

Hội đồng đất đai cấp xã sẽ lập tờ trình và danh sách các hộ đủ điều kiện cấp đất gửi lên trên cấp huyện, trên huyện cũng thành lập Hội đồng xét duyệt đất đai cấp huyện về thành phần tôi chỉ nhớ là có Phòng nông nghiệp huyện, phòng tài chính, thanh tra, kiểm tra đảng và mặt trận.

Trong trường hợp không có tranh chấp sẽ được tiến hành các thủ tục cấp đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trường hợp có khiếu nại, tranh chấp thì Hội đồng xét duyệt đất đai cấp huyện sẽ tiến hành kiểm tra, giải quyết dứt điểm xong thì mới tiến hành cấp đất.

Việc cụ Vần, cụ Ngụ tặng cho hay cho mượn đối với thửa ruộng Nhà Bjoóc tôi không nắm được vào thời gian nào cũng không nắm được. Gia đình ông N canh tác, quản lý đất ruộng từ thời gian nào tôi cũng không được biết.

- *Đối với bãi Soi Mít*: Đất đó là ông N cho người Hoa mượn đất, trên đất có cây Mít cổ thụ, khi người H chuyển đi thì ông Ngụ lấy lại đất đã cho mượn. Việc có giao hay tặng cho ông Nam hay không thì tôi không nắm được, ai sử dụng canh tác trên đất này hàng năm thì tôi cũng không nắm được.

*** Ông Hà Sỹ H trình bày:**

Thời điểm năm 1986-1992 là đội trưởng đội sản xuất HTX Quang Sơn, tôi sinh ra cho đến nay là 73 tuổi sinh sống trên địa bàn xã D, không di chuyển đi đâu.

- *Về khu đất Thau Khi*: Nguồn gốc đất là của ông Hà Sỹ Ng và bà Triệu Thị V, lúc ông N chuyển từ Phổ Yên về thì chưa ở tại vị trí khu đất Thau Khi bây giờ mà ở vị trí khác, trước khi ông N chuyển xuống ở tại khu vực Thau Khi thì đất là đơn vị quân đội mượn từ khoảng năm 1973-1975, sau đó nhà trường quản lý từ năm 1976-1977; khoảng năm 1979 ông N chuyển đến ở trên đất này. Về mốc thời gian thì tôi không nắm được chính xác, chỉ ước được khoảng thời gian. Trên đất Thau Khi có 3 cây nhãn cổ thụ từ rất lâu, cả làng vẫn hay lấy quả nhãn về ăn.

Ông N mượn đất hay được tặng cho đất thì tôi không nắm được. Diện tích đất ông N sử dụng khá rộng, ông N quản lý diện tích đất bao gồm đất ở và đất vườn xung quanh, khoảng tầm 2000m². Gia đình ông N sinh sống trên đất này cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Khi chuyển đến sinh sống tại khu vực Thau Khi thì ngoài đất làm nhà để ở thì diện tích đất vườn xung quanh gia đình ông N cũng quản lý và rào lại, đất nhà ở và đất vườn tạp của gia đình ông Nam quản lý thì có ranh giới bờ rào phân biệt đối với đất của ông Hà Sỹ T.

Khi ông N chuyển xuống là làm nhà, ông N quản lý phần vườn xung quanh nhà có phát xung quanh và rào lại. Hiện trạng đất ông N quản lý sử dụng không có thay đổi cho đến khi nhà nước thu hồi.

- *Về thửa đất Nà Bjooc*: chia đất về thời gian tôi không nhớ cụ thể nhưng lúc đó đang thực hiện khoán 10, tôi là người trực tiếp được cấp bờ chia ruộng nà Bjooc cho hộ ông T và bà N, trong đó gia đình ông T c (cụ thể bà N) được nhận đất là 02 thửa và có diện tích theo bản đồ giải thửa 59 là 3000m², thửa còn lại thuộc khu vực Nà bjooc diện tích khoảng 1.200m² thì giao cho bà Phùng Thị N, lý do giao cho bà Ninh cũng là xã viên hợp tác xã và có giao nộp trâu bò cho hợp tác xã, ngoài ra có giao thêm cho bà Ninh một thửa diện tích khoảng 300m² tiếp giáp với thửa bà N được giao tại khu vực Nà Bjooc.

Đối với khu vực tại ruộng Nà bjooc, các hộ nhận lại đất cụ thể như sau:

Gia đình nhà ông T nhận tại khu vực Nà Bjooc gồm hai thửa đất ruộng diện tích cả hai thửa đất khoảng 3000m², phần này không có tranh chấp.

Gia đình bà Ninh, lúc đó ông Triệu Văn N ở cùng bà Ninh có nhận phần diện tích đất ruộng Nà Bjooc bao gồm một thửa diện tích 1.200m² và một thửa liền kề khoảng 300m² (hai thửa đất này hiện nay có tranh chấp giữa gia đình ông T c và gia đình bà).

Khi còn tồn tại khoán 10 cho đến khi các hộ nhận lại đất cha ông khi hợp tác xã tan rã thì hộ ông Hà Sỹ Thạc và hộ bà Phùng Thị N vẫn quản lý các khu đất ruộng tại Nà bjooc như tôi đã trình bày ở trên.

Từ khi bà N nhận đất ruộng tại khu vực Nà Bjooc cho đến khi bà S, ông N quản lý sử dụng thì hiện trạng vẫn giữ nguyên, không thay đổi. Bà N chết khoảng năm 1991.

Tôi khẳng định không có việc HTX giao đất lại cho các hộ đã giao nộp đất vào HTX. Các hộ nhận lại đất trên cơ sở đất cha ông đã giao nộp vào HTX trước đó. Thời điểm 1989-1990 thì HTX tan rã, đất nhà nào nhà đó lấy.

Tôi khẳng định gia đình ông Hà Sỹ T nhận 2 thửa đất tại khu vực Nà Bjooc với diện tích là 3000m², hiện nay không có tranh chấp. Còn gia đình bà N (mẹ ông N) nhận 2 thửa đất tại khu vực Nà bjooc với diện tích là 1200m² và 300m².

- *Về bãi Soi Mít*: nguồn gốc đất là của ông Ng, trên đất có 3 cây mít cổ thụ. Việc có giao đất hay tặng cho ông N hay không thì tôi không nắm được. Đất ở bãi Soi Mít này do gia đình ông N quản lý nhưng không canh tác trồng gì, quản lý từ thời gian nào tôi cũng không nắm được, ông Thạc không quản lý khu vực đất ở bãi Soi Mít này.

* Ông **Ngô Văn V** trình bày:

- *Về khu đất Thau Khi*: Năm 1985, tôi có nhận ông T làm bố nuôi, thời điểm đó thì tôi nắm nguồn gốc đất là của ông Hà Sỹ Ng và bà Triệu Thị V, lúc tôi về chơi nhà ông T thì đã thấy nhà ông N làm nhà ở và sinh sống tại đất khu vực Thau Khi

này. Còn việc ông N mượn đất hay được tặng cho đất thì tôi không nắm được. Trên đất Thau Khi có 3 cây nhãn cổ thụ, nhót vì tôi có được vất nhót giúp bà V để bà mang đi bán.

Diện tích đất khu vực Thau Khi ông N sử dụng quản lý đất khoảng 200m². Gia đình ông N sinh sống trên đất này cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Khi chuyển đến sinh sống tại khu vực Thau Khi thì ngoài đất làm nhà để ở thì đất xung quanh là của gia đình ông T.

Tôi chỉ nắm được về hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực có tranh chấp từ thời điểm năm 1991 trở về đây còn trước đó ai quản lý hay sử dụng hay nguồn gốc thì tôi không nắm được.

- *Đối với đất có tranh chấp tại Nà Bjooc*: Năm 1991-1992-1993 tôi có được làm ruộng tại khu vực Nà Bjooc vì gia đình tôi sinh sống cùng với gia đình ông T, tôi nhận ông T làm bố nuôi nhưng không có giấy tờ nhà nước công nhận, tôi canh tác hộ ông Thạc, tôi không liên quan đến quyền và lợi ích tại khu vực Nà bjooc này, sau đó tôi cũng không canh tác và tôi chuyển nơi khác sinh sống nhưng về nguồn gốc đất và quá trình quản lý đất tại khu vực nà bjooc tôi nắm được như sau:

Về nguồn gốc đất: tôi được biết khi xảy ra việc hợp tác xã tan rã, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đối với đất ruộng có việc nhận lại đất cha ông trước đó đã giao nộp hợp tác xã, đối với khu vực Nà bjooc bao gồm cả hai thửa đất hiện có tranh chấp, gia đình ông T là người đứng ra nhận lại đất, lúc đó ông N và bà V còn sống (ông N chết năm 1994, bà V chết khoảng năm 1999), thời điểm từ năm 1991 – 1993 lúc đó ông Nam chưa làm ruộng cho đến cuối năm 1993 thì ông N mới đến nhận đất ruộng tại khu vực Nà Bjooc, lúc đó ông N và bà V còn sống.

Sau đó tôi có nghe nói ông N + bà V cho ông N mượn đất ruộng để trồng lúa, gia đình ông N canh tác từ lúc đó đến bây giờ. Diện tích cho mượn là khoảng 1000m², tôi không được chứng kiến việc cho mượn đất giữa ông Ng và ông N

- *Về bãi Soi Mít*: nguồn gốc đất là của ông Ngụ, bà Vần, trên đất có 3 cây mít cổ thụ. Bản thân tôi cũng được thu hoạch mít trên đất này. Đất ở bãi Soi Mít này do gia đình ông Thạc quản lý nhưng không canh tác trồng gì. Việc có giao đất hay tặng cho ông Nam thì tôi khẳng định là không có việc này vì không thấy ông NG bà V hay ông T nói gì đến việc giao hay cho đất này.

*** Bà Triệu Thị D n trình bày:**

Ông N không phải là con nuôi của ông Ng và bà V, chỉ là cháu ruột của bà Vần, vì sau khi bố ông N chết, mẹ đi lấy chồng thì ở với nhà tôi, sau đó bà V đưa ông N về nuôi cưu mang từ nhỏ đến lớn cho đến khi đi thoát ly và lập gia đình.

-*Về khu đất Thau Khi*: Nhà tôi ở bên P, tôi không sinh sống tại thôn N xã D nên tôi không nắm được. Lớn lên tôi lại đi thanh niên xung phong. Sự việc tranh chấp giữa hai bên gia đình tôi có biết nhưng không biết vị trí đất tranh chấp ở đâu. Có giao hay chia đất hay cho ai mượn đất thì tôi không nắm được.

- Nguồn gốc đất ruộng cũng là của ông Ng và Bà V , khoảng năm 1978 ông N chuyển từ Phố Cò, Thái Nguyên về B sinh sống thì có được ông T chia cho 1500m² đất ruộng để trồng lúa, thời điểm này ông Ng , bà V vẫn còn sống. Ông N đã canh tác trồng lúa trên đất này. Tôi biết việc chia đất cho ông N là nghe ông T kể lại. Tôi khẳng định là ông T c đã chia 1500m² đất ruộng cho ông N .

Theo tôi được biết thì khu đất bãi Soi Mít ngày xưa gọi là Bjooc Đáo. Nguồn gốc đất là của ông Ng, bà V , trên đất có cây mít cổ thụ, lúc tôi chưa đi thoát li thì hàng năm đến mùa mít thì tôi vẫn sang lấy mít về ăn. Đất ở bãi Soi Mít do gia đình ông T c quản lý và sử dụng. Tôi không thấy ông T nói đến việc cho hay cho ông Nam mượn khu đất này.

*** Bà Triệu Thị K trình bày:** Về nguồn gốc đất hiện nay có tranh chấp giữa ông T và bà S có nguồn gốc của cụ V và cụ Ng .

Về thời gian chuyển ông N chuyển về khu vực tại Thau Khi sinh sống bà K không nhớ nhưng được biết là có chia cho ông Nam đất ở diện tích 200m² để sinh sống còn lại các thửa đất khác hiện nay có tranh chấp chỉ cho mượn đất.

Bà K không được chứng kiến việc chia đất hay tặng cho giữa cụ V , cụ Ng và ông N , bà S .

*** Bà Quản Thị T g trình bày:** nguồn gốc đất của cụ Ng và cụ V , còn việc tặng cho hay cho mượn thì bà T không nắm được.

*** Bà Bé Thị C trình bày:**

- Về khu đất tại Thau Khi: Nguồn gốc của gia đình ông T , khoảng năm 1980 bà C sang làm dâu thấy ông T quản lý và sử dụng ở khu vực Thau Khi, có trường học và ký túc xã trên đất.

Khoảng năm 1980, ông N và bà S chuyển từ nơi khác đến làm nhà ở đất này, lúc đó cụ Ng + cụ V chia đất cho để làm nhà ở diện tích khoảng 200m², bà C biết được sự việc này do nghe gia đình ông T kể lại.

Khi chuyển xuống sinh sống được khoảng 1-2 năm gia đình ông N có rào phần diện tích diện tích khá rộng nhưng cụ thể bao nhiêu tôi cũng không nắm được.

Về diện tích đất vườn, cụ NG cho mượn hay tặng cho gia đình ông N tôi cũng không nắm được.

- Về khu đất ruộng: Nguồn gốc của vợ chồng cụ Ng và cụ V, đất ruộng có giao nộp hợp tác xã, trong giai đoạn còn hợp tác xã lúc đó ông Nam, bà Sen công tác nhà nước nên không làm ruộng, bà N là mẹ đẻ của ông N có làm ruộng đối với thửa có diện tích khoảng 1000m², lúc đó đất do gia đình cụ Ng cho mượn.

Khi hợp tác xã tan rã bà Ninh vẫn là người canh tác và làm ruộng đối với thửa ruộng, việc bà N mượn đất tôi nghe bà V kể, không được trực tiếp chứng kiến.

Sau khi ông N và bà S về nghỉ mất sức, lúc đó bà N đã già yếu nên ông N , bà S tiếp tục canh tác đối với thửa ruộng có diện tích khoảng 1000m².

Đối với thửa ruộng có diện tích khoảng 300m² thì gia đình ông N cũng quản lý và canh tác cho đến hiện nay.

Gia đình ông T cho gia đình ông N mượn đất để canh tác, tôi nắm được thông tin này do ông T kể lại.

- Đối với bãi Soi Mít: về nguồn gốc tôi được biết là của ông T sử dụng và quản lý, tôi có được biết đất này nhà ông Nam đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra không biết thông tin gì thêm.

*** Ông Phạm Văn N tại phiên toà trình bày:** Ông N khai nguồn gốc đất tại Thau Khi có tranh chấp giữa ông Thạc và bà Sen có nguồn gốc của cụ Ng + cụ V .

Trong quá trình quản lý đất tại Thau Khi, nhà ông T có cho nhà trường mượn đất để làm nhà trường, sau đó nhà trường chuyển đi thì gia đình ông T nhận lại đất này.

Căn cứ quy định của pháp luật đất đai thuộc quyền quản lý, sở hữu của ông T .

Quá trình giải quyết tại phúc thẩm phía Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền bà Hà Thị A, phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều giữ nguyên các yêu cầu.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B trình bày:

1. Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hạn xét xử và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, thành phần Hội đồng xét xử và tiến hành các thủ tục tại phiên toà đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự và chấp hành nội quy phiên toà đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về kháng cáo, kháng nghị:

- Đơn kháng cáo của bà Hà Thị A là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS.

- Nội dung kháng cáo: bà A kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm với lý do quyền sử dụng đất thuộc về ông T , ông T cho vợ chồng bà S mượn đất không thuộc trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thấy:

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu hủy đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Văn N , mục đích là yêu cầu tòa án xác định QSDĐ để hưởng tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất (hiện nay Nhà nước đã thu hồi một số thửa đất đang tranh chấp) nhưng quá trình giải quyết tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét về thủ tục cấp đối với 03 quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà

không xem xét về quyền sử dụng đất. Mặt khác quá trình giải quyết cũng không xem xét các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong vụ án dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan. Do đó nguyên đơn kháng cáo là có cơ sở chấp nhận.

- Về kháng nghị: Sau khi xem xét các nội dung trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B nhận thấy:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND cấp huyện, trả lại đất cho nguyên đơn, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Về việc xác định tranh chấp pháp luật: Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Triệu Thành N , để trả lại đất cho gia đình ông, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy quyết định không. Do vậy, chưa có căn cứ xác định vụ án trên là vụ án dân sự hay hành chính.

Mặt khác Bản án dân sự sơ thẩm chỉ đánh giá, nhận định trên cơ sở trình bày của các bên đương sự mà không xem xét, đánh giá nhận định đối với các tài liệu chứng cứ khác có liên quan làm cơ sở giải quyết vụ án dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa được khách quan, toàn diện, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Do vậy, kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy còn vi phạm như sau: Bị đơn bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N có 03 người con là Triệu Minh G , Triệu Thị Ch và Triệu thị Út H . Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án sơ thẩm không đưa chị Triệu Thị Ch và Triệu thị Út H vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật TTDS.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS 2015: chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị A và quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2020, phía đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 về việc *tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai* của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Nội dung, hình thức, thời hạn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên kháng cáo của phía nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm theo hướng căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Huỷ bản án sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của TAND thành phố B.

Kháng nghị đúng thẩm quyền và thời hạn quy định được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo, kháng nghị

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2017 của ông Hà Sỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung:

Yêu cầu Tòa án huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 821415 ngày 12/01/2001; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 878648 ngày 10/12/1993 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 2999369 ngày 11/12/2002 do UBND thành phố B cấp đứng tên ông Triệu Văn N và yêu cầu tại khu đất vườn Thau Khi trả lại quyền sử dụng đất đối với các thửa thể hiện không có số thửa, số tờ bản đồ diện tích 323m² và trả lại phần diện tích vườn liền kề chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đối với khu vực ruộng Nà Bjoóc yêu cầu trả lại thửa số 85 và thửa số 89 tờ bản đồ số 10; đối với khu vực bãi Soi Mít (còn gọi là khu Bjoóc Đáo) yêu cầu trả lại thửa đất không có số thửa, số tờ bản đồ diện tích 260,8m².

Trong quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm đều thể hiện yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn yêu cầu công nhận có quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Triệu Văn N .

Do vậy TAND thành phố B xác định đây là vụ án dân sự và thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là có cơ sở.

Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Đơn khởi kiện ông T đã có yêu cầu xem xét huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố B cấp cho ông Triệu Văn N và trong quá trình giải quyết vụ án, ông T giữ nguyên nội dung yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần quyết định của bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Hà Sỹ T về yêu cầu huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N .

Như vậy cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N và quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông Hà Sỹ T.

Tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự có quy định " *Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc huỷ quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh*".

Tại khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính quy định về thẩm quyền của TAND cấp tỉnh: " *Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án*".

Căn cứ các quy định trên việc xem xét huỷ quyết định cá biệt trong trường hợp này là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố B thuộc thẩm quyền của TAND tỉnh B.

Nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B về huỷ bản án sơ thẩm số: 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của TAND thành phố B do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án là có căn cứ.

Về nội dung vụ án thấy rằng: Ông Hà Sỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất Thau Khỉ với phần diện tích 123 m² đất ở và đất vườn liền kề đất ở, tuy nhiên thửa đất diện tích 323 m² đứng tên ông Triệu Văn N và phần đất vườn liền kề diện tích 625,7m² của chị Triệu Thị Minh G, UBND thành phố B đã thu hồi theo quyết định số: 2044/QĐ-UBND, ngày 09/11/2017 để xây dựng công trình: Trạm y tế xã D

Quyền sử dụng đất đã bị thu hồi nhưng được đảm bảo bằng giá trị bồi thường

Trong các biên bản làm việc và tại biên bản hoà giải ngày 14/5/2019 phía nguyên đơn trình bày nhất trí để bà Nguyễn Thị S nhận tiền đền bù đối với 200m² đất thổ cư, số tiền đền bù còn lại: 146.586.000 đ (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) và tiền đền bù đối với 625,7m² đất trồng cây hàng năm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được nhận số tiền đền bù này.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu này.

Như vậy cần xác định trong các yêu cầu của người khởi kiện trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm có yêu cầu được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất có tranh chấp tại Thau Khỉ bao gồm tiền đền bù, hỗ trợ đối với diện tích 123 m² của bà S đất ở và 625,7m² của chị G và tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại Nà Bjoóc và bãi Soi Mít.

Phần tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng này bao gồm tiền bồi thường về đất, cây cối trên đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề, cần thiết phải làm rõ yêu cầu này của phía nguyên đơn.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm không giải quyết số tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là thiếu sót không đúng với yêu cầu của đương sự và chưa giải quyết triệt để vụ án.

- Theo hồ sơ vụ án thể hiện ông N chết năm 2012, quyền sử dụng đất có tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị S có liên quan đến di sản của ông Triệu Văn N và trong phần kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1993 (BL 173) số nhân khẩu trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất: 03 người, theo lời khai của phía bà S tại phiên tòa, số nhân khẩu này bao gồm ông N, bà S và chị Triệu Thị Út H.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nam bao gồm: bà S, chị G, chị Ch, chị Triệu Thị Út H là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị Út H và chị Triệu Thị CH (là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nam) trình bày đất tranh chấp không liên quan đến chị H và chị Ch và chị H, chị Ch đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên do vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền xét xử huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại cần thiết xác định chị H và chị Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích của chị H và chị Ch.

- Đối với thửa đất tại bãi Soi Mít diện tích 260,8m², (thửa không số, không có tờ bản đồ) theo bản đồ địa chính đo vẽ, chỉnh lý bổ sung năm 2015, phê duyệt năm 2016 thì nay thửa đất trên thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 57; diện tích 277,5m², hồ sơ kê khai cấp đất đối với thửa đất này UBND thành phố B không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án thành phố Bắc Kạn, tuy nhiên căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo Quyết định số: 1578/QĐ-UB, như vậy cấp cùng đợt của ông Triệu Văn N có các hộ khác, cần thiết thu thập quyết định số: 1578/QĐ-UB, danh sách các hộ được cấp cùng đợt của UBND thành phố B.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện thường xuyên, không thường xuyên theo quy định được tiến hành các thủ tục hợp xét, niêm yết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thôn, tổ và chính quyền xã D, cần thiết thu thập các tài liệu về trình tự, thủ tục cấp đất cùng đợt cấp năm 2002 từ UBND xã D và UBND thành phố B để có cơ sở xem xét về quá trình quản lý đất đai và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền giải quyết vụ án và những sai sót về việc giải quyết đối với thửa đất Thau Khỉ không khắc phục được, do vậy cần chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B huỷ bản án bản án dân sự số:03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 về việc

Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B để giải quyết lại.

Do vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND B, hồ sơ vụ án được giữ lại để TAND giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

- Án phí sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lý lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự

Khoản 3 điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và Kháng nghị số: 06/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 18/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B

2. Huỷ bản án dân sự số 03/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 về việc *Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai* của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Ông Hà Sỹ T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 02060 - ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

- Án phí sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố B
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS B
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Truyền

